

Bản án số: 358/2024/HC-PT
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 111/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HCST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1073/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh Tr – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đoàn Hữu T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Bến Tre. (xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lữ Thị A, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Diệu Ng, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: đường A, Phường 11, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Văn Duy Ph, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn Duy Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:

Gia đình ông T có sử dụng phần đất với diện tích khoảng 1500m² từ trước năm 1987. Đến đầu năm 1987 gia đình ông T sử dụng một phần diện tích khoảng hơn 500m² để cất nhà ở, nhà bán tiệm quán, chuồng trại. Đến năm 1992 gia đình ông T tiếp tục xây thêm nhà ở, chuồng trại trên toàn bộ diện tích đất gia đình ông T quản lý. Năm 1995, huyện có chủ trương đo đạc lập hồ sơ địa chính, kéo dây (đo thủ công). Do gia đình ông T không hiểu (hầu hết người dân điều không hiểu), nên sau khi đo xong, Đoàn đo đạc mời đến ký tên đăng ký đất, ông T đến ký tên đăng ký. Năm 1997 hộ ông T được Ủy ban nhân dân huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giấy chứng nhận ghi 02 thửa: thửa 361, diện tích 900m², loại đất thổ cư (T) và thửa 364, diện tích 250m², loại đất rau màu (ĐRM). Sau khi nhận sổ đỏ ông T kiểm tra lại diện tích và hiện trạng sử dụng là đúng thực tế (do trước đó đất ông T bị làm lộ có lấn ra nên diện tích còn lại tổng số 1150m²). Với mục đích sử dụng đất như trên, ông T có nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất vượt hạn mức (ông T sử dụng 200m² đất ở).

Ngày 03/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện M có Quyết định số 3311/QĐ-UBND, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T (Nguyễn Văn T) và ngày 29/9/2022 Ủy ban nhân dân huyện M có Quyết định số 3138/QĐ-UBND, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T. Với lý do thu hồi là: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T không đúng mục đích sử dụng đất.

Ông T cho rằng hiện tại trên phần đất này ông T đã xây dựng nhà ở và phòng trọ có diện tích rất lớn, nếu UBND thu hồi giấy chứng nhận sẽ không phù hợp với hiện trạng mà ông T đang sử dụng hiện tại. Vào năm 2020 khi mở rộng đường Quốc lộ 57 thì Nhà nước có thu hồi phần đất của ông với diện tích 22m² và bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm. Sau đó, ông không đồng ý giá bồi thường này nên đã khiếu nại. Phía Trung tâm phát triển quỹ đất đã có điều chỉnh bổ sung bồi thường diện tích đất thu hồi 22m² này theo giá với mục đích sử dụng đất là đất ONT (đất ở), nên tiền bồi thường được tăng lên nên ông

đã rút đơn khiếu nại. Hiện tại ông có kiểm tra lại Giấy chứng nhận mà ông T đứng tên thì ông hiểu vị trí nhà ở của ông và công trình khác là không phải đất ONT tuy nhiên ông đã xây dựng các công trình với diện tích lớn hơn so với diện tích đất ở theo quy định, còn vị trí theo đất phía sau là đất nông nghiệp nhưng theo sổ đỏ thì lại là đất thổ cư.

Do đó, ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1.

- Hủy Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre trình bày:

1/. Về nội dung quyết định

- Do phần diện tích đất mà hộ ông Nguyễn Văn T đang sử dụng có một phần diện tích thuộc dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đ đến thị trấn M1, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2458/QĐ-BGTVT và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt tiểu dự án giải phóng mặt bằng (tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đ đến thị trấn M1, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận tỉnh Bến Tre) nên ngày 19/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3769/QĐ-UBND để thu hồi phần đất có diện tích 22m², thuộc thửa đất số 13a, tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 01), mục đích đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã T1 và cũng trong ngày 19/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Quyết định số 3744/QĐ-UBND để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đ đến thị trấn M1, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (đợt 20), trong đó có hộ ông T với tổng số tiền là 91.577.000 đồng.

- Ngày 06/10/2020, ông T có đơn khiếu nại “V/v bồi thường giải phóng mặt bằng QL57”. Theo nội dung đơn khiếu nại nêu trên, ông T cho rằng phần diện tích đất mà hộ ông bị thu hồi nêu trên có mục đích sử dụng là đất ở tại nông mức đất mà mỗi hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng để ở theo quy định của Chính phủ đối với từng vùng nhưng không quá 400m², đối với những nơi có tập quán nhiều thế hệ cùng chung sống trong một hộ hoặc có điều kiện tự nhiên đặc biệt, thì mức đất ở có thể cao hơn, nhưng tối đa không vượt quá hai lần mức quy định đối với vùng đó”.

Như vậy, việc UBND huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550416-001382 vào ngày 22/01/1997 trong đó thể hiện thửa đất số 361, diện tích 900m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn là chưa đúng theo quy

định của pháp luật tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013, cụ thể:

“2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây: d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3311/QĐ-UBND và Quyết định số 3138/QĐ-UBND là đúng theo quy định của pháp luật.

2/. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định

Qua xem xét nội dung báo cáo số 273/BC-TT, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các ngành chức năng huyện thẩm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550416-001382 vào ngày 22/01/1997 cho hộ ông T.

Sau khi có kết quả xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T được cấp chưa đúng theo quy định của pháp luật, ngày 08/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện M đã có Thông báo số 2530/TB-UBND “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho công dân” gửi đến ông Nguyễn Văn T.

Ngày 03/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 3311/QĐ-UBND để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1. Các đơn vị có liên quan đã tổ chức công bố, công khai và trao Quyết định số 3311/QĐ-UBND cho ông T.

- Do ông T không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên - nên ngày 29/9/2022, Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Quyết định số 3138/QĐ-UBND để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành quyết định số 3311/QĐ-UBND và Quyết định số 3138/QĐ-UBND là đúng theo trình tự, thủ tục.

Việc cấp Giấy chứng nhận sai này vào thời điểm đó có rất nhiều trường hợp giống của ông T. Tuy nhiên, đối với trường hợp của ông T thì vào năm 2020 khi tiến hành giải tỏa đền bù đối với phần đất cấp Quốc lộ 57 thì cơ quan có thẩm quyền mới phát hiện là phần đất đền bù theo hồ sơ gốc là đất ONT mà không phải đất trồng cây lâu năm. Do đó, cơ quan có thẩm quyền đã thẩm định lại và bồi thường bổ sung cho ông T đối với diện tích thu hồi là 22m² với giá là theo đất ONT và ông T đồng ý với nội dung này.

Việc ông T cho rằng hàng năm vẫn nộp thuế đối với phần diện tích đất

900m² đất ONT này là không đúng. Vì theo giấy thông báo thu thuế thì chỉ có 300m² đất ONT còn lại 600m² là vượt hạn mức.

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ mà Tòa án công khai thì có sổ mục kê đăng ký vào năm 1993 ghi là ông T đăng ký diện tích 900m² mục đích sử dụng là đất RM còn 250m² là đất T.

Đối với sổ đăng ký thì ghi diện tích 900m² mục đích sử dụng là đất T còn 250m² là đất RM. Đây là sổ đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1997. Như vậy là sai sót mà phải dựa vào sổ mục kê năm 1993 mới phù hợp. Hơn nữa, theo quy định luật Đất đai năm 1993 quy định hạn mức đất ở tối đa chỉ 300m² mà không thể là 900m² do đó trường hợp của ông T là sai sót cần thu hồi để cấp lại.

Theo, bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Duy Ph, bà Lữ Thị A trình bày: Ông bà thống nhất với nội dung và các chứng cứ kèm theo trong đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu: Hủy 02 quyết định: Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1; Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/9/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 27/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Duy Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Duy Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Duy Ph; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Duy Ph làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào hồ sơ nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn T đăng ký tại sổ mục kê thể hiện diện tích đất 900m² là loại đất RM và diện tích 250m² là loại đất T. Ngày 22/01/1997, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa 361 diện tích 900m² mục đích sử dụng đất T và thửa 364 diện tích 250m² loại đất ĐRM. Quyền sử dụng đất của ông T được cấp năm 1997 vào thời điểm Luật Đất đai năm 1993 đang có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại Điều 54 Luật Đất đai năm 1993 quy định hạn mức đất ở vào thời điểm này là không quá 400m². Do đó, việc cấp giấy chứng nhận cho hộ ông T với diện tích 900m², mục đích sử dụng đất ở (T) là sai quy định.

Ngày 19/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3769/QĐ-UBND thu hồi của hộ ông T phần đất diện tích 22m², thuộc thửa đất số 13a, tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 01), mục đích đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã T1 để thực hiện mở rộng Quốc lộ 57 phần đất và Quyết định số 3744/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cho hộ ông T với số tiền là 91.577.000 đồng. Không đồng ý với mức bồi thường nên ông T thực hiện khiếu nại. Tại Báo cáo số 273/BC-TT ngày 01/12/2020 của Chánh Thanh tra huyện M kết luận nội dung: ông T sử dụng đất cát nhà ở ổn định trên thửa 364 từ năm 1987 đến nay, nên việc ông T khiếu nại yêu cầu bồi thường đất ở là có cơ sở để xem xét. Đồng thời, tại Báo cáo số 273/BC-TT đã kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 55016-001382 đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T. Ông T đã đồng ý thửa 364 diện tích 250m² cấp trong sổ là mục đích đất rau màu (ĐRM) nhưng thực tế là đất ở (T) và đã nhận tiền bồi thường với mục đích là loại đất ở (T). Ngoài ra, tại các tờ khai nộp thuế cũng xác định hạn mức đất ở của hộ ông T là 300m² và vượt hạn mức 600m².

Việc Ủy ban nhân dân huyện M1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550416-001382 ngày 22/01/1997 cho hộ ông T đối với thửa 361, 364 là không đúng mục đích sử dụng và vượt quá hạn mức cấp đất ở tại nông thôn. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3311/QĐ-UBND và Quyết định số 3138/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ông T, ông Phương kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 3311/QĐ-UBND và Quyết định số 3138/QĐ-UBND của Ủy

ban nhân dân huyện M là không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; tuy nhiên ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Duy Ph phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Duy Ph.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Luật Đất đai các năm 1993, 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu:

Hủy Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1 và Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, cư trú ấp T, xã T1.

2/. Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu, đã quyết toán xong.

3/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn.

4/. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T được miễn.

- Ông Nguyễn Văn Duy Ph phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007626 ngày 27/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Đương sự (6);
- Lưu: HSV A(2), VP(3) 16B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy